

**YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ
DỤNG CỤ Y TẾ, VẬT TƯ SỬA CHỮA VÀ DỊCH VỤ SỬA CHỮA THIẾT BỊ Y TẾ CỦA
BỆNH VIỆN MẮT**

*Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm dụng cụ y tế, vật tư sửa chữa và dịch vụ sửa chữa
thiết bị y tế của Bệnh viện Mắt*

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua sắm dụng cụ y tế, vật tư sửa chữa và dịch vụ sửa chữa thiết bị y tế của Bệnh viện Mắt với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

1. Đơn vị yêu cầu mời chào giá:

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận mời chào giá:

Họ tên : Nguyễn Tuấn Anh

Chức vụ : Trưởng phòng Vật tư, thiết bị y tế

Số điện thoại : (028).3932.5364 - 1224

Địa chỉ email : vttbyt@bvmat.vn

3. **Cách thức tiếp nhận tài liệu mời chào giá tính năng kỹ thuật:** Nhận trực tiếp tại địa chỉ **Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt - Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM**

(BỆNH VIỆN CHỈ TIẾP NHẬN HỒ SƠ CỦA CÁC CÔNG TY THEO

ĐƯỜNG VĂN THƯ BỆNH VIỆN)

4. Thời hạn tiếp nhận mời chào giá: Từ 09h ngày 06 tháng 9 năm 2024 đến trước 16h30 ngày 16 tháng 9 năm 2024. Các tài liệu nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của chào giá, tính năng kỹ thuật: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2024.

II. Danh mục yêu cầu mời chào giá:

1. Danh mục dụng cụ y tế, vật tư sửa chữa và dịch vụ sửa chữa thiết bị y tế của Bệnh viện Mắt cần mời chào giá:

Stt	Tên vật tư, thiết bị y tế / tên vật tư sửa chữa / dịch vụ sửa chữa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật
-----	--	-------------	----------	-------------------------------



Stt	Tên vật tư, thiết bị y tế / tên vật tư sửa chữa / dịch vụ sửa chữa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật
1	Nhiệt ẩm kế tự ghi	Cái	07	Nhiệt ẩm kế tự ghi có các chức năng: <ul style="list-style-type: none"> - Đo được dải nhiệt độ: 0- 32^oC - Đo được dải độ ẩm: 10-99% - Tùy chọn khoảng thời gian ghi nhận dữ liệu - Có cảnh báo vượt ngưỡng giới hạn nhiệt độ, độ ẩm bằng chuông, đèn. - Truy xuất các dữ liệu đo dưới dạng file .PDF, Excel vào thời điểm bất kỳ - Ghi dữ liệu: tối thiểu 5.000 điểm
2	Bộ núm điện cực điện tim	Bộ (1 bộ / 06 núm)	06	- Núm điện cực tương thích với Jack nối của cáp điện tim hãng sx: Shenzhen SINO-K / Trung Quốc
3	Bộ kẹp điện cực tứ chi	Bộ (1 bộ / 04 kẹp)	06	- Kẹp điện cực tương thích với Jack nối của cáp điện tim hãng sx: Shenzhen SINO-K / Trung Quốc
4	Bộ ron cửa máy hấp tiệt trùng (bao gồm: 02 ron cửa và keo chịu nhiệt dùng cho ron làm kín cửa máy hấp)	Bộ	02	- Tương thích với máy hấp tiệt trùng bằng hơi nước nhiệt độ cao, Model: NC 710D, Hãng sx: Nuve, Nước sx: Thổ Nhĩ Kỳ
5	Bộ điều khiển thời gian dùng cho máy hấp tiệt trùng nổi ngang để bàn	Cái	01	- Tương thích với máy hấp tiệt trùng nổi ngang để bàn, Model: SA 300H, Hãng sx: Sturdy, Nước sx: Đài Loan
6	Thị kính dùng cho kính hiển vi phẫu thuật	Cái	10	- Tương thích với các kính hiển vi phẫu thuật Model: Opmi Visu 150, Opmi Visu 160, Hãng sx: Carl Zeiss, Nước sx: Đức <ul style="list-style-type: none"> - Độ phóng đại: 10x
7	Thị kính dùng cho kính hiển vi phẫu thuật	Cái	10	- Tương thích với các kính hiển vi phẫu thuật Model: Opmi Visu 150, Opmi Visu 160, Hãng sx: Carl Zeiss, Nước sx: Đức <ul style="list-style-type: none"> - Độ phóng đại: 12.5x
8	Thị kính dùng cho kính hiển vi phẫu thuật	Cái	10	- Tương thích với các kính hiển vi phẫu thuật Model: Lumera i, Hãng sx: Carl Zeiss, Nước sx: Đức <ul style="list-style-type: none"> - Độ phóng đại: 10x
9	Thị kính dùng cho kính hiển vi phẫu thuật	Cái	10	- Tương thích với các kính hiển vi phẫu thuật Model: Lumera i, Hãng sx: Carl Zeiss, Nước sx: Đức

Stt	Tên vật tư, thiết bị y tế / tên vật tư sửa chữa / dịch vụ sửa chữa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật
				- Độ phóng đại: 12.5x
10	Màn hình LCD dùng cho kính hiển vi phẫu thuật	Cái	01	- Tương thích với kính hiển vi phẫu thuật, Model: Stand S8, Hãng sx: Carl Zeiss, Nước sx: Đức
11	Bộ dây cáp đo SpO ₂	Bộ	01	- Tương thích máy Monitor theo dõi bệnh nhân, Model: BSM 3562, Hãng sx: Nihon Kohden, Nước sx: Nhật Bản
12	Điện cực đơn cực loại sử dụng nhiều lần	Cái	20	Tính năng kỹ thuật: - Điện cực đơn cực; - Đường kính 2.4 mm; - Đầu đốt đẹp có vỏ bọc ngoài; - Chiều dài lưỡi đốt 5 mm.
13	Điện cực đơn cực loại sử dụng nhiều lần	Cái	20	Tính năng kỹ thuật: - Điện cực đơn cực; - Đường kính 2.4 mm; - Đầu đốt hình kim có vỏ bọc ngoài; - Chiều dài lưỡi đốt 2 mm.
14	Điện cực đơn cực loại sử dụng nhiều lần	Cái	20	Tính năng kỹ thuật: - Điện cực đơn cực; - Đường kính 2.4 mm; - Đầu đốt đẹp không có vỏ bọc ngoài; - Chiều dài lưỡi đốt 20 mm.
15	Điện cực đơn cực loại sử dụng nhiều lần	Cái	20	Tính năng kỹ thuật: - Điện cực đơn cực; - Đường kính 4 mm; - Đầu đốt thẳng dài 25 mm.
16	Điện cực đơn cực loại sử dụng nhiều lần	Cái	20	Tính năng kỹ thuật: - Điện cực đơn cực; - Đường kính 4 mm; - Đầu đốt hình kim dài 23 mm.
17	Kim bơm chất nhầy	Hộp	10	Tính năng kỹ thuật: - Dùng kim bơm chất nhầy hoặc dầu silicon qua ống trocar 23G hoặc 25G trong phẫu thuật dịch kính võng mạc - Đường kính bên trong (ID) 0.53 mm - Đường kính bên ngoài (OD) 0.63 mm - Dài 4 mm - Loại dùng 01 lần - Quy cách đóng gói: hộp / 5 cái

Stt	Tên vật tư, thiết bị y tế / tên vật tư sửa chữa / dịch vụ sửa chữa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật
18	Kẹp gấp 23G	Hộp	02	<p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính bên trong (ID) 0.4 ± 0.02 mm - Phần kẹp dài $28 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$ - Dùng loại bỏ màng biểu mô xơ hóa - Hàm kẹp có răng cưa kiểu hàm cá sấu Crocodile giúp bám màng - Các răng cưa cùn, không gây chấn thương giúp ngăn ngừa sự vỡ vụn của mô - Được gắn liền cán - Loại dùng 01 lần - Thép không gỉ - Quy cách đóng gói: hộp / 6 cái
19	Pince giác mạc có mẫu	Cái	10	<p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phẫu thuật Lasik - Kẹp giác mạc - Hình dạng: Răng 1x2, mũi thẳng - Chất liệu: Thép không gỉ
20	Giếng dùng để áp cồn	Cái	05	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phẫu thuật Lasik - Giếng dùng để áp cồn dùng trong mô Crosslinking và Laser bề mặt
21	Hockey Knife	Cái	05	<p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phẫu thuật Lasik - Cỡ nhỏ dùng để lấy biểu mô giác mạc - Chất liệu: thép không gỉ - Cạnh sắc trước 3mm và cạnh bán sắc dưới 6mm
22	Kẹp gấp mảnh mô trong phẫu thuật Smile	Cái	05	<p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phẫu thuật Lasik - Kẹp xé bao nhỏ, thân cong, có đầu kẹp mô siêu nhỏ. - Chất liệu: thép không gỉ - Dùng gấp mảnh mô Smile
23	Vành mi	Cái	10	<p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong phẫu thuật Lasik - Có thể điều chỉnh - Hình dạng: Hướng thái dương, hai nhánh dạng sợi tròn, lưỡi hình chữ V, kích cỡ trẻ em - Tổng chiều dài $\geq 71 \text{ mm}$. - Chất liệu: Titanium hay thép không gỉ

Stt	Tên vật tư, thiết bị y tế / tên vật tư sửa chữa / dịch vụ sửa chữa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về Tính năng kỹ thuật
24	Test thử nước tiểu 10 thông số	Hộp	20	Tính năng kỹ thuật: - Tương thích máy Clinitex Status+ - Gồm các thông số: LEU, NIT, URO, PRO, pH, BLO, SG, KET, BIL, GLU.

Lưu ý: Trong tài liệu của quý công ty vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - KHÔNG xóa, KHÔNG thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (**biểu mẫu 1**). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hợp đồng hoặc quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu (nếu có). *Am*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; VTTBYT (TMK_1b) *Kieu*



(điền Header của Công ty)

BẢO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu dụng cụ y tế, vật tư sửa chữa và dịch vụ sửa chữa thiết bị y tế của Bệnh viện Mắt

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho các VTSC, thay thế linh phụ kiện TTBYT như sau:

1. Danh mục:

Stt	Chủng loại / Tên thiết bị	Tên thương mại, Ký mã hiệu, Hãng sx, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá + VAT (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên Công ty/ Nhà cung cấp	Mã định danh (vn...)
	(1)		(2)	(3)	A=A1+A2	A1	A2	B = A x (3)		
1										
2										
3										

(1), (2), (3): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan - nếu có)

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Tài liệu của các dụng cụ phẫu thuật nêu trong phía trên là không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.
- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực.

....., ngày tháng năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))





1. The first stage of the process is the identification of the problem to be studied. This involves a clear definition of the objectives of the study and the selection of the appropriate research design.

2. The second stage is the design of the study. This involves the selection of the sample, the determination of the data to be collected, and the choice of the appropriate statistical methods for analysis.

3. The third stage is the collection of data. This involves the implementation of the study design and the gathering of the required information.

4. The fourth stage is the analysis of the data. This involves the application of the statistical methods chosen in the design stage to the collected data.

5. The fifth and final stage is the interpretation of the results. This involves drawing conclusions from the analysis and presenting the findings in a clear and concise manner.

6. The sixth stage is the reporting of the results. This involves the preparation of a final report or presentation that summarizes the entire research process and its findings.

7. The seventh stage is the dissemination of the results. This involves making the findings of the study available to the relevant stakeholders and the wider community.

8. The eighth stage is the evaluation of the study. This involves a critical assessment of the research process and its outcomes to identify areas for improvement.

9. The ninth stage is the conclusion of the study. This involves a final review of the research and its implications for future studies.

10. The tenth stage is the archiving of the study. This involves the safe storage of all research materials and data for future reference.

Year	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Population	150,000,000	155,000,000	160,000,000	165,000,000	170,000,000	175,000,000	180,000,000	185,000,000	190,000,000	195,000,000	200,000,000
GDP	100,000,000,000	110,000,000,000	120,000,000,000	130,000,000,000	140,000,000,000	150,000,000,000	160,000,000,000	170,000,000,000	180,000,000,000	190,000,000,000	200,000,000,000
Inflation	10%	12%	15%	18%	20%	22%	25%	28%	30%	32%	35%
Unemployment	25%	26%	27%	28%	29%	30%	31%	32%	33%	34%	35%
Life Expectancy	52 years	53 years	54 years	55 years	56 years	57 years	58 years	59 years	60 years	61 years	62 years
Healthcare Expenditure	1.5%	1.6%	1.7%	1.8%	1.9%	2.0%	2.1%	2.2%	2.3%	2.4%	2.5%
Education Expenditure	2.5%	2.6%	2.7%	2.8%	2.9%	3.0%	3.1%	3.2%	3.3%	3.4%	3.5%
Government Debt	10%	11%	12%	13%	14%	15%	16%	17%	18%	19%	20%
Foreign Direct Investment	10,000,000,000	11,000,000,000	12,000,000,000	13,000,000,000	14,000,000,000	15,000,000,000	16,000,000,000	17,000,000,000	18,000,000,000	19,000,000,000	20,000,000,000
Trade Balance	5,000,000,000	6,000,000,000	7,000,000,000	8,000,000,000	9,000,000,000	10,000,000,000	11,000,000,000	12,000,000,000	13,000,000,000	14,000,000,000	15,000,000,000
Exchange Rate	1 Naira = 150 Cedis	1 Naira = 160 Cedis	1 Naira = 170 Cedis	1 Naira = 180 Cedis	1 Naira = 190 Cedis	1 Naira = 200 Cedis	1 Naira = 210 Cedis	1 Naira = 220 Cedis	1 Naira = 230 Cedis	1 Naira = 240 Cedis	1 Naira = 250 Cedis

The above table shows the various indicators of the Nigerian economy from 2010 to 2020. The population has grown from 150 million to 200 million, while the GDP has increased from 100 billion to 200 billion Naira. Inflation has risen from 10% to 35%, and unemployment has increased from 25% to 35%. Life expectancy has improved from 52 years to 62 years, and healthcare expenditure has grown from 1.5% to 2.5% of GDP. Education expenditure has also increased from 2.5% to 3.5%. Government debt has risen from 10% to 20% of GDP, while foreign direct investment has grown from 10 billion to 20 billion Naira. The trade balance has improved from 5 billion to 15 billion Naira, and the exchange rate has depreciated from 1 Naira = 150 Cedis to 1 Naira = 250 Cedis.

The data in the table indicates a general upward trend in most economic indicators over the period. However, the high inflation rate and increasing unemployment rate are significant concerns. The depreciation of the Naira against the Cedi is also a major challenge for the economy. Despite these challenges, the growth in GDP and population, as well as the improvements in life expectancy and healthcare, are positive signs for the future of Nigeria.